

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2024/HS-ST
Ngày 02-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hương Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nông Ngọc Dung.

Ông Chu Văn Tiếp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngọc Bích Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 tháng 6 và ngày 02 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 27/2024/TLST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Lâm Văn Q, sinh ngày 12 tháng 12 năm 1974 tại huyện L, tỉnh Bắc Ninh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn S, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 5/10; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Quý K và bà Nguyễn Thị G (đều đã chết); có vợ Nguyễn Thị N và 02 con; tiền án, tiền sự: không; về nhân thân: ngày 04/9/2012 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự và ngày 09/01/2017 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 09 tháng tù về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự (đều đã được xóa án tích), ngày 09/10/2007 bị Công an huyện C xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, xử phạt số tiền 200.000 đồng và ngày 03/8/2012 bị Công an huyện C xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy xử phạt số tiền

1.500.000 đồng (đã xóa tiền sự); bị cáo bị tạm giam từ ngày 28/02/2024 đến ngày 06/4/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh cho đến nay; có mặt.

2. Nguyễn Thị N1, sinh ngày 24 tháng 9 năm 1990 tại huyện L, tỉnh Bắc Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn L, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N2 (đã chết) và bà Ngô Thị T; có chồng Nông Văn S và 02 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự và xử lý vi phạm hành chính; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/01/2024 đến ngày 09/02/2024 được áp dụng biện pháp C đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; có mặt.

3. Vy Đức T1, sinh ngày 04 tháng 01 năm 1990 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn L, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 02/12; dân tộc: tày; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vy Văn T2 (đã chết) và Vi Thị B; có vợ Vi Thị S1 và 01 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự và xử lý vi phạm hành chính; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/01/2024 đến ngày 09/02/2024 được áp dụng biện pháp C đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1984; địa chỉ: thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

2. Anh Hoàng Văn P, sinh năm 1990; địa chỉ: thôn Đ, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

3. Anh Lộc Văn N3, sinh năm 1978; địa chỉ: thôn L, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

4. Anh Ma Văn N4, sinh năm 2004; địa chỉ: thôn L, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

5. Anh Hoàng Văn K1, sinh năm 1989; địa chỉ: thôn L, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

6. Bà Vy Thị L, sinh năm 1967; địa chỉ: thôn L, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

7. Ông Hoàng Văn M, sinh năm 1967; địa chỉ: thôn L, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

8. Anh Nguyễn Văn G1, sinh năm 1997; địa chỉ: thôn L, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

9. Anh Nông Văn C1, sinh năm 1995; địa chỉ: thôn Đ, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

10. Anh Vi Văn T3, sinh năm 1983; địa chỉ: thôn Đ, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

11. Anh Nguyễn Văn T4, sinh năm 1990; địa chỉ: thôn L, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 29 tháng 01 năm 2024, bị cáo Nguyễn Thị N1 và anh Nông Văn C1 có hành vi đánh bạc bằng hình thức ghi số lô, số đề thắng thua bằng tiền. Công an xã Q, huyện C và Công an huyện C kiểm tra, thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị N1 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A16K, bên trong có gắn 02 sim và số tiền 140.000 đồng. Ngày 31 tháng 01 năm 2024, bị cáo Vy Đức T1 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đầu thú về việc ngày 20 tháng 12 năm 2023, mua số đề 78, 87, đề ba số (ba càng) 978, 987 mỗi số 100.000 đồng với bị cáo Nguyễn Thị N1, tổng số tiền mua số lô số đề là 400.000 đồng, trúng thưởng số đề 78 và đề ba số (ba càng) 978 được tổng số tiền 45.000.000 đồng, tự nguyện giao nộp 01 (một) điện thoại. Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với bị cáo Nguyễn Thị N1 và bị cáo Vy Đức T1.

Ngày 07/02/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Thị N1, không phát hiện thu giữ đồ vật gì.

Tại Bản kết luận giám định số 390/KL-KTHS ngày 13/3/2024 của Phòng K2 Công an tỉnh L kết luận: Toàn bộ số tiền 140.000 đồng (thu giữ của Nguyễn Thị N1 ngày 29/01/2024) được niêm phong trong phong bì số 01 gửi giám định đều là tiền thật.

Quá trình điều tra xác định bị cáo Nguyễn Thị N1 đã khai nhận: khoảng từ cuối năm 2022, đầu năm 2023, bị cáo Lâm Văn Q đặt vấn đề ghi số lô, số đề với bị cáo Nguyễn Thị N1. Thỏa thuận số đề ghi được của khách bị cáo Nguyễn Thị N1 được hưởng lợi 25% trong tổng số tiền ghi được, số lô được hưởng 1.200 đồng trên một điểm lô. Đối với người trúng thưởng số đề, số lô thì trả cho người trúng 1.000 đồng tiền đề được 70.000 đồng, 01 điểm lô được 380.000 đồng. Nếu có người chơi trúng số đề ba số (ba càng) 50.000 đồng thì bị cáo Nguyễn Thị N1 được thêm 1.000.000 đồng, nếu người chơi trúng 100.000 đồng thì bị cáo Nguyễn Thị N1 được thêm 2.000.000 đồng, mục đích để khuyến khích bị cáo Nguyễn Thị N1 chuyển số lô, số đề cho bị cáo Lâm Văn Q.

Các bị cáo Lâm Văn Q, Nguyễn Thị N1, Vy Đức T1 và những người mua số đề, lô quy định với nhau như sau: căn cứ kết quả xổ số kiến thiết miền B mở thưởng vào hồi 18 giờ 15 phút hàng ngày, quy định số đề hai số là 2 số cuối (hàng chục, hàng đơn vị) của giải đặc biệt, đánh 1.000 đồng trúng thưởng được 70.000

đồng; số đề ba số là 3 số cuối (hàng trăm, hàng chục, hàng đơn vị) của giải đặc biệt, đánh 1.000 đồng trúng thưởng được 380.000 đồng; số đề đầu, đuôi là số có một chữ số (hàng đơn vị hoặc hàng chục) của giải đặc biệt hoặc giải nhất (tùy theo thỏa thuận), đánh 1.000 đồng trúng thưởng được 7.000 đồng; số lô là 2 số cuối (hàng chục, hàng đơn vị) của tất cả các giải, lô tính theo điểm, mua 1 điểm lô = 23.000 đồng, khi trúng thưởng được 80.000 đồng. Lô xiên là số lô từ 2, 3 hoặc 4 cặp lô hai số (hàng chục, hàng đơn vị) của tất cả các giải, lô xiên hai, đánh 1.000 đồng trúng thưởng được 10.000 đồng; lô xiên ba, đánh 1.000 đồng trúng thưởng được 40.000 đồng. Từ khi thỏa thuận với nhau do không có người chơi nên bị cáo Nguyễn Thị N1 chưa bán số lô, số đề cho ai và cũng chưa chuyển cho bị cáo Lâm Văn Q lần nào.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị N1 khai nhận bán số lô, số đề qua các ngày 20/12/2023 và ngày 29/01/2024 như sau:

Ngày 20/12/2023, Nguyễn Thị N1 bán số lô, số đề cho những người chơi là bị cáo Vy Đức T1 mua số đề 78, 87, đề ba số (ba càng) 978, 987 mỗi số 100.000 đồng, tổng số tiền mua số lô số đề là 400.000 đồng trúng số đề 78 và đề ba số (ba càng) 978, tổng số tiền trúng số lô, số đề là 45.000.000 đồng, tổng số tiền bị cáo Vy Đức T1 đánh bạc là 45.400.000 đồng; chị Hoàng Thị H mua số đề 05, 30, 40, 29, 17, mỗi số 20.000 đồng, tổng số tiền mua số đề là 100.000 đồng, tổng số tiền chị Hoàng Thị H đánh bạc là 100.000 đồng; anh Hoàng Văn P mua số lô 41, 51, mỗi số 15 điểm với tổng số tiền 690.000 đồng, trúng thưởng 15 điểm lô số 41 được 1.200.000 đồng, tổng số tiền anh Hoàng Văn P đánh bạc là 1.890.000 đồng; anh Lộc Văn N3 mua 05 điểm số lô 71, với số tiền là 115.000 đồng, không trúng, tổng số tiền đánh bạc là 115.000 đồng; anh Ma Văn N4 mua số đề: 65, 34, 46, mỗi số 20.000 đồng, tổng số tiền mua số đề với Nhất là 60.000 đồng, tổng số tiền đánh bạc là 60.000 đồng; anh Hoàng Văn K1 mua số lô 38, 72, mỗi số 05 điểm, tổng số tiền dùng đánh bạc là 230.000 đồng; bà Vy Thị L mua các số đề 77, 10, mỗi số 10.000 đồng, tổng số tiền đánh bạc là 20.000 đồng; ông Hoàng Văn M mua số đề 89 x 20.000 đồng, 35x 30.000 đồng, 98, 53, 83, 33 mỗi số 10.000 đồng; số lô 35,15 mỗi con x 5 điểm; lô xiên 3: 35/98/42 x 20.000 đồng, lô xiên 2: 35/15 x 20.000 đồng, tổng số tiền mua số lô, số đề là 360.000 đồng, trúng thưởng lô 35 x 5 điểm tương đương với số tiền 400.000 đồng, tổng số tiền đánh bạc là 760.000 đồng; anh Nguyễn Văn G1 mua số lô 78 x 10 điểm với số tiền 230.000 đồng, trúng thưởng được 800.000 đồng, tổng số tiền đánh bạc là 1.030.000 đồng và người phụ nữ tên T5 (không rõ họ) ở thôn B, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang mua số đề 49 x 10.000 đồng, không trúng thưởng. Bị cáo Nguyễn Thị N1 đã nhận số tiền của những người mua số lô, số đề trên.. Khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo Nguyễn Thị N1 tổng hợp lại thành bảng các số lô, số đề bán được để chuyển cho bị cáo Lâm Văn Q. Sau khi có kết quả xổ số kiến thiết miền B mở thưởng cùng ngày, bị cáo Nguyễn Thị N1 đã ứng tiền ra trước để trả tiền cho những người trúng thưởng số lô, số đề. Đến sáng ngày 21/12/2023, bị cáo Nguyễn Thị N1 và

bị cáo Lâm Văn Q cộng tiền trúng thưởng số lô, số đề ngày 20/12/2023 qua zalo điện thoại. Bị cáo Lâm Văn Q chuyển khoản số tiền 35.000.000đ từ tài khoản số 8412205121589 ngân hàng A của Lâm Văn Q đến tài khoản số 8412205093453 ngân hàng A của bị cáo Nguyễn Thị N1, số tiền còn lại trả bằng tiền mặt cho bị cáo Nguyễn Thị N1.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024, Nguyễn Thị N1 bán số lô, số đề cho những người sau: anh Nông Văn C1 mua số đề 95, 59, 24, 92, mỗi số 20.000 đồng, số đề 85 là 10.000đ, tổng số tiền mua số đề với là 90.000 đồng; anh Vi Văn T3 mua số lô 09, 90, mỗi số 20 điểm; số đề 67,67, mỗi số 40.000 đồng, tổng số tiền mua số lô, số đề là 1.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn T4 mua số lô 30, 59, mỗi số 05 điểm; số đề 30, 59, 12, mỗi số 10.000 đồng, lô xiên ba cặp 30/59/12 là 20.000 đồng, tổng số tiền mà anh Nguyễn Văn T4 mua số lô, số đề là 280.000 đồng (trong quá trình điều tra, truy tố vụ án đã thanh toán tiền mua số lô, số đề cho bị cáo Nguyễn Thị N1); một người nam giới (không rõ tên tuổi, ở thôn L, xã Q, huyện C) mua số đề 50.000 đồng với bị cáo Nguyễn Thị N1 (không nhớ cụ thể số đề gì).

Như vậy, ngày 20 tháng 12 năm 2023, bị cáo Nguyễn Thị N1 bán được 720.000đ tiền số đề, 65 điểm lô là 1.495.000 đồng, tổng là 2.215.000 đồng. Theo thỏa thuận, bị cáo Nguyễn Thị N1 chỉ phải chuyển cho Q 540.000 đồng tiền đề, lô 65 điểm x 21.800 đồng = 1.417.000 đồng, tổng là 1.957.000 đồng; bị cáo Nguyễn Thị N1 được hưởng lợi 258.000 đồng. Tổng số tiền trả cho người trúng thưởng là 47.400.000 đồng. Tổng số tiền các bị cáo Lâm Văn Q, Nguyễn Thị N1 sử dụng đánh bạc là 49.615.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Thị N1 được bị cáo Lâm Văn Q cho thêm 2.000.000 đồng để khuyến khích việc chuyển số lô, số đề cho bị cáo. Ngày 29/01/2024, tổng số tiền bị cáo Nguyễn Thị N1 bán số lô, số đề là 1.420.000 đồng, chưa kịp gửi cho bị cáo Lâm Văn Q, chưa có kết quả xổ số kiến thiết miền B thì hồi 17 giờ 30 phút ngày 29/01/2024, bị Công an huyện C phát hiện, bắt giữ.

Tại Cơ quan điều tra, Vi Văn T3, Nguyễn Văn T4 và Nông Văn C1 khai nhận ngày 29/01/2024 tự mua số lô, đề với Nguyễn Thị N1 với tổng số tiền như bị cáo Nguyễn Thị N1 khai nhận. Chị Hoàng Thị H, anh Hoàng Văn P, anh Lộc Văn N3, anh Ma Văn N4, anh Hoàng Văn K1, bà Vy Thị L, ông Hoàng Văn M, ông Nguyễn Văn G1 khai nhận ngày 20/12/2023 tự mua số lô, đề với Nguyễn Thị N1 với tổng số tiền như bị cáo Nguyễn Thị N1 khai nhận.

Ngày 27/02/2024, Nguyễn Văn M1 (sinh năm 1980, trú tại: thôn S, xã H, huyện C) cùng bị cáo Lâm Văn Q đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C khai báo, Nguyễn Văn M1 có hành vi nhận tội thay cho bị cáo Lâm Văn Q nhưng sau khi nhận thức được nên đã thành thật khai báo. Ngày 28/02/2024, Lâm Văn Q tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện C: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J7 pro, bên trong có gắn 02 thẻ sim, điện thoại đã qua sử dụng.

Về vật chứng vụ án: thu giữ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A78, vỏ màu xanh ngọc, số IMEI 1: 869008065296611, số IMEI 2: 869008065296603, bên trong có 01 sim số 0975919576, điện thoại đã qua sử dụng, thu giữ của bị cáo Vy Đức T1; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A16K, vỏ màu xanh tím than, số IMEI: 868289058570730, số IMEI2: 868289058570722, bên trong có gắn 02 sim, sim 1: 0366015790, sim 2: 035830538, điện thoại đã qua sử dụng, thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị N1; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J7 pro, vỏ màu đen, số IMEI 1: 353317093503101, số IMEI 2: 353318093503109, bên trong có gắn 02 thẻ sim, sim 1: 0352947854, sim 2 0358746992, điện thoại đã qua sử dụng, thu giữ của bị cáo Lâm Văn Q.

Cáo trạng số: 31/CT-VKSCL ngày 29 tháng 5 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Lâm Văn Q, Nguyễn Thị N1 về tội Tổ chức đánh bạc theo điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự; bị cáo Vy Đức T1 về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Lâm Văn Q, Nguyễn Thị N1 khẳng định bị truy tố về tội Tổ chức đánh bạc; bị cáo Vy Đức T1 khẳng định bị truy tố về tội Đánh bạc là đúng, không oan.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thị H, anh Hoàng Văn P, anh Lộc Văn N3, anh Ma Văn N4, anh Hoàng Văn K1, và Vy Thị L, ông Hoàng Văn M, anh Nguyễn Văn G1, anh Nông Văn C1, anh Vi Văn T3, anh Nguyễn Văn T4 vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong lời khai tại Cơ quan điều tra đã thể hiện đầy đủ nội dung về hành vi mua số lô, đề với bị cáo Nguyễn Thị N1 rồi sau đó bị cáo Nguyễn Thị N1 chuyển số lô, đề cho bị cáo Lâm Văn Q để hưởng lợi; bị cáo Vy Đức T1 là người đánh bạc và trúng thưởng là 45.400.000 đồng như Cáo trạng truy tố và những người mua đều đã bị xử phạt hành chính và đề nghị giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên nội dung cáo trạng truy tố, phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, đánh giá về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lâm Văn Q, Nguyễn Thị N1 phạm tội Tổ chức đánh bạc. Tuyên bố bị cáo Vy Đức T1 phạm tội Đánh bạc.

Về hình phạt:

Áp dụng điểm c, khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lâm Văn Q từ 15 (mười lăm) đến 18 (mười tám) tháng tù.

Áp dụng điểm c, khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 50, 58, 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N1 từ 12 (mười hai) đến 15 (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Vy Đức T1 từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách.

Về hình phạt bổ sung: không đề nghị áp dụng.

Về biện pháp tư pháp: áp dụng điểm a, điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền số tiền 1.957.000 đồng của bị cáo Lâm Văn Q; số tiền 45.000.000 đồng của bị cáo Vy Đức T1 và số tiền của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan số tiền anh Hoàng Văn P số tiền 1.200.000 đồng; ông Hoàng Văn M số tiền 400.000 đồng; anh Nguyễn Văn G1 số tiền 800.000 đồng do đánh số đề mà có. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 2.258.000 đồng (hai triệu hai trăm năm mươi tám nghìn đồng) của bị cáo Nguyễn Thị N1.

Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A78 của bị cáo Vy Đức T1 bên trong có gắn 01 (một) sim; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A16K, bên trong có gắn hai sim của bị cáo Nguyễn Thị N1; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J7 pro, bên trong có gắn hai sim của bị cáo Lâm Văn Q.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Hoàng Thị H, anh Hoàng Văn P, anh Lộc Văn N3, anh Ma Văn N4, anh Hoàng Văn K1, và Vy Thị L, ông Hoàng Văn M, anh Nguyễn Văn G1, anh Nông Văn C1, anh Vi Văn T3, anh Nguyễn Văn T4 có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy những người vắng mặt trên đã có lời khai trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Tại phiên tòa, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Do có thỏa thuận trước nên ngày 20/12/2023, bị cáo Nguyễn Thị N1 bán số lô, số đề được tổng số tiền 1.957.000 đồng sau đó chuyển cho bị cáo Lâm Văn Q để hưởng lợi số tiền 258.000 đồng (hai trăm năm mươi tám nghìn đồng). Sau khi có kết quả mở thưởng xác định người chơi trúng thưởng tổng số tiền là 47.400.000 đồng (bốn mươi bảy triệu bốn trăm nghìn đồng) trong đó bị cáo Vy Đức T1 dùng số tiền đánh bạc và trúng thưởng là 45.400.000 đồng (bốn mươi lăm triệu bốn trăm nghìn đồng).

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự công cộng, gây mất an ninh, trật tự của địa phương, gây bất bình trong dư luận xã hội. Các bị cáo là người có thể chất phát triển bình thường, có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền dưới hình thức “ghi số lô, số đề” là vi phạm pháp luật, là một trong những tệ nạn xã hội nhức nhối, phức tạp, bị xã hội lên án nhưng vì mục đích háms lợi nên các bị cáo đã cố tình thực hiện hành vi phạm tội.

[5] Từ những nhận định tại đoạn [3], [4] của Bản án, đủ căn cứ để kết luận các bị cáo Lâm Văn Q, Nguyễn Thị N1 phạm tội Tổ chức đánh bạc theo quy định điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự; bị cáo Vy Đức T1 phạm tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng số: 31/CT-VKSCL ngày 29 tháng 5 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo Lâm Văn Q, Nguyễn Thị N1, Vy Đức T1 theo tội danh và điều khoản trong Bộ luật Hình sự như trên là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[6] Về vai trò đồng phạm: vụ án thuộc trường đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn các bị cáo đều cùng tham gia tổ chức đánh bạc, đánh bạc với vai trò khác nhau, lợi dụng kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc mở thưởng hàng ngày để đánh bạc với nhau bằng hình thức ghi số lô, đề. Cụ thể: bị cáo Lâm Văn Q là người giữ vai trò chính là người đặt vấn đề, khuyến khích bị cáo Nguyễn Thị N1 ghi số lô, số đề và nhận số lô, đề và tiền từ bị cáo Nguyễn Thị N1 ghi được trực tiếp từ người đánh bạc và trả tiền đánh bạc. Đối với bị cáo Nguyễn Thị Nhất 1 người trực tiếp bán số lô, số đề cho những người chơi nên có vai trò giúp sức. Bị cáo Vy Đức T1 là người chơi đơn thuần trực tiếp mua số lô, đề với bị cáo Nguyễn Thị N1 nên giữ vai trò thấp nhất trong vụ án.

[7] Tuy nhiên, khi lượng hình cần xem xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt.

[7.1] Về nhân thân: Các bị cáo Nguyễn Thị N1, Vy Đức T1 là người có nhân thân tốt vì chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo Lâm Văn Q xác định là người có nhân thân không tốt do đã từng bị xét xử và từng bị xử phạt vi phạm hành chính như đã thể hiện tại phần đầu Bản án nhưng nay lại tiếp tục có hành vi phạm tội.

[7.2] Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Lâm Văn Q, Nguyễn Thị N1, Vy Đức T1 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Thị N1 đã nộp xử phạt hành chính và tự nguyện giao nộp lại số tiền thu lợi bất chính 2.258.000 đồng (hai triệu hai trăm năm mươi tám nghìn đồng), nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Vy Đức T1 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo ra đầu thú về hành vi phạm tội của mình, đã tự nguyện giao nộp lại số tiền trúng thưởng do đánh số lô, đề mà có nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7.3] Tình tiết tăng nặng: các bị cáo không có.

[8] Từ những nhận định trên, xét thấy bị cáo Lâm Văn Q có nhân thân không tốt, tổ chức đánh bạc với vai trò chính nên cần áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời răn đe làm gương cho những người khác có ý định thực hiện hành vi phạm tội tương tự. Các bị cáo Nguyễn Thị N1, Vy Đức T1 có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng và không thuộc trường hợp cấm được hưởng án treo mà Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã hướng dẫn nên có đủ điều kiện được áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, sửa đổi bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của bộ luật Hình sự về án treo. Việc cho các bị cáo được hưởng án treo vẫn đảm bảo được tính răn đe, giáo dục, đồng thời đảm bảo tính khoan hồng của pháp luật được thực hiện.

[9] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung với các bị cáo Lâm Văn Q, Nguyễn Thị N1, Vy Đức T1 do các bị cáo không có thu nhập ổn định không có tài sản riêng để đảm bảo cho việc thi hành án, việc này phù hợp với kết quả xác minh của Cơ quan điều tra Công an huyện C.

[10] Biện pháp tư pháp:

[10.1] Tịch thu số tiền bị cáo Nguyễn Thị N1 nhận của người mua số lô, đề ngày 29/01/2024 chưa chuyển cho bị cáo Lâm Văn Q, chưa mở thưởng 1.420.000 đồng; tiền hưởng lợi bất chính 258.000 đồng; tiền bị cáo Lâm Văn Q cho đề khuyến khích chuyển số lô đề 2.000.000 đồng. Đối với 1.420.000 đồng, bị cáo đã nộp xử phạt hành chính; còn 2.258.000 đồng bị cáo đã nộp đủ.

[10.2] Tịch thu số tiền trúng thưởng của bị cáo Vy Đức T1 số tiền 45.000.000 đồng. Bị cáo đã nộp đủ.

[10.3] Tịch thu số tiền trúng thưởng của anh Hoàng Văn P số tiền 1.200.000 đồng; ông Hoàng Văn M số tiền 400.000 đồng; anh Nguyễn Văn G1 số tiền 800.000 đồng. Những người trúng thưởng đã nộp đủ.

[10.4] Tịch thu số tiền của bị cáo Lâm Văn Q nhận số tiền mua lô, đề của bị cáo Nguyễn Thị N1 số tiền 1.957.000 đồng.

[11] Về xử lý vật chứng:

[11.1] 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A78 của bị cáo Vy Đức T1; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A16K của bị cáo Nguyễn Thị N1; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J7 pro của bị cáo Lâm Văn Q sử dụng vào việc chuyển số lô, đề và tiền mua số lô, đề xác định là công cụ phạm tội, còn giá trị sử dụng cần tịch thu nộp Ngân sách nhà nước.

[11.2] 01 sim số 0975919576 của bị cáo Vy Đức T1; 02 sim số 0366015790 và số 035830538 của bị cáo Nguyễn Thị N1; 02 sim số 0352947854 và số 0358746992 của bị cáo Lâm Văn Q không sử dụng được nên tịch thu tiêu hủy.

[13] Những vấn đề liên quan:

[13.1] Đối với những người đã mua số lô, số đề với bị cáo Nguyễn Thị N1 vào ngày 20/12/2023 và ngày 29/01/2024 bao gồm: chị Hoàng Thị H, anh Hoàng Văn P, anh Lộc Văn N3, anh Ma Văn N4, anh Hoàng Văn K1, và Vy Thị L, ông Hoàng Văn M, anh Nguyễn Văn G1, anh Nông Văn C1, anh Vi Văn T3, anh Nguyễn Văn T4, số tiền tham gia đánh bạc không lớn, chưa đủ định mức để truy cứu trách nhiệm hình sự. Do vậy, trong ngày 24 tháng 4 năm 2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C đã Quyết định xử phạt vi phạm hành chính xử lý hành chính theo quy định là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[13.2] Đối với người phụ nữ tên T5 (không rõ họ) ở thôn B, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang và người nam giới ở thôn L, xã Q, huyện C do không có thông tin cụ thể nên không đủ căn cứ xem xét, xử lý.

[13.3] Đối với ông Nguyễn Văn M1 có hành vi nhận tội thay bị cáo Lâm Văn Q, đã bị xử phạt hành chính theo quy định.

[14] Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề nghị về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo Lâm Văn Q, Nguyễn Thị N1, Vy Đức T1 và về xử lý vật chứng là có căn cứ.

[15] Về án phí: Các bị cáo Lâm Văn Q, Nguyễn Thị N1, Vy Đức T1 là người bị kết án nên phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm; theo khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[16] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lâm Văn Q.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 50, 58; các khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị N1.

Căn cứ khoản 1 điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; các khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Vy Đức T1.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự. Căn cứ các điểm a, b, c khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 292; Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Lâm Văn Q, Nguyễn Thị N1 phạm tội Tổ chức đánh bạc; bị cáo Vy Đức T1 phạm tội Đánh bạc.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Lâm Văn Q 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, tính từ ngày bị bắt đi thi hành án và được trừ thời gian tạm giam (từ ngày 28/02/2024 đến ngày 06/4/2024).

2.2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N1 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 02/7/2024. Giao bị cáo Nguyễn Thị N1 cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Bị cáo Nguyễn Thị N1 phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

2.3. Xử phạt bị cáo Vy Đức T1 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 02/7/2024. Giao bị cáo Vy Đức T1 cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Bị cáo Vy Đức T1 phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

3. Biện pháp tư pháp:

3.1. Tịch thu 2.258.000 đồng của bị cáo Nguyễn Thị N1. Bị cáo đã nộp đủ theo biên lai số 0005337 ngày 19 tháng 6 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

3.2. Tịch thu số tiền 1.957.000 đồng của bị cáo Lâm Văn Q.

3.2. Tịch thu 45.000.000 đồng của bị cáo Vy Đức T1. Bị cáo đã nộp đủ theo biên lai số 0005411 ngày 25 tháng 6 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

3.3. Tịch thu 1.200.000 đồng của anh Hoàng Văn P. Anh Hoàng Văn P đã nộp đủ theo biên lai thu tiền số 0005409 ngày 21 tháng 5 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn

3.4. Tịch thu 400.000 đồng của ông Hoàng Văn M. Ông Hoàng Văn M đã nộp đủ theo biên lai thu tiền số 0005410 ngày 21 tháng 5 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

3.5. Tịch thu 800.000 đồng của anh Nguyễn Văn G1. Anh Nguyễn Văn G1 đã nộp đủ theo biên lai thu tiền số 0005408 ngày 21 tháng 5 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

4. Về xử lý vật chứng:

4.1. Tịch thu nộp Ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A78, vỏ màu xanh ngọc, số IMEI 1: 869008065296611, số IMEI 2: 869008065296603 bị cáo Vy Đức T1; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A16K, vỏ màu xanh tím than, số IMEI: 868289058570730, số IMEI2: 868289058570722 của bị cáo Nguyễn Thị N1; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J7 pro, vỏ màu đen, số IMEI 1: 353317093503101, số IMEI 2: 353318093503109 của bị cáo Lâm Văn Q.

4.2. Tịch thu và tiêu hủy 01 sim số 0975919576 của bị cáo Vy Đức T1; sim 1: 0366015790, sim 2: 035830538 của bị cáo Nguyễn Thị N1; sim 1: 0352947854, sim 2: 0358746992 của bị cáo Lâm Văn Q.

(Vật chứng hiện đang lưu giữ, bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng để bảo quản giữa Công an huyện C và Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn ngày 30 tháng 5 năm 2024).

5. Về án phí: Bị cáo Lâm Văn Q, Nguyễn Thị N1, Vy Đức T1 mỗi người phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện C;
- Cơ quan điều tra Công an huyện C;
- Cơ quan THA hình sự Công an huyện C;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện C;
- Những người tham gia tố tụng;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Trương Thị Hương Giang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Ngọc Dung Chu Văn Tiếp

Trương Thị Hương Giang